

Số: /KH-SNNMT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp môi trường năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia
- Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch hành động số 09-KH/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;
- Kế hoạch số 635/KH-UBND, ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;
- Kế hoạch số 682-KH/UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy CDS liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Chương trình hành động số 06 –CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển KHCN, ĐMST đẩy mạnh CDS toàn diện trên cả 3 trụ cột chính là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.
- Kế hoạch 687/KH-UBND, ngày 26/2/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về KHCN, ĐMST

và CDS, đẩy mạnh CDS toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

- Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 30/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026.

II. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, hướng tới hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế số nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thông minh, quản lý dựa trên nền tảng dữ liệu số, ứng dụng công nghệ để tự động hóa quy trình, truy xuất nguồn gốc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cho nông sản. Hình thành và đưa vào khai thác hiệu quả các CSDL chuyên ngành lớn, tạo nền tảng cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, góp phần phát triển chính quyền số của tỉnh.

2.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến hết năm 2026

a) Chính quyền số:

- Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành: 100% các quy trình nghiệp vụ nội bộ trọng yếu được rà soát, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, ứng dụng công nghệ số.

- Trên 95% hồ sơ công việc tại Sở và các đơn vị trực thuộc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; giảm ít nhất 20% thời gian giải quyết so với quy định, đặc biệt đối với các TTHC trong lĩnh vực đất đai.

- Giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn toàn ngành xuống dưới 3%; phấn đấu trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

b) Về đầu tư, phát triển hạ tầng số và dữ liệu số:

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng cấp độ an toàn thông tin mạng và phát triển hạ tầng số tại trụ sở của Sở và các đơn vị thuộc Sở.

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nền tảng, bao gồm: Đất đai, Lâm nghiệp, Chăn nuôi - Thú y, Thủy lợi - PCTT, Môi trường... Đảm bảo các CSDL này được chuẩn hóa, "đúng, đủ, sạch, sống" và sẵn sàng kết nối, chia sẻ.

- Tích hợp thành công Cơ sở dữ liệu 3 loại rừng vào bản đồ số.

- Trên 70% các đơn vị cơ sở (bao gồm các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, trạm cấp nước, trạm bảo vệ rừng...) được nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị cơ bản, đáp ứng yêu cầu vận hành các ứng dụng số.

c) Về phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

- 100% công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng số cơ bản; phấn đấu 15% cán bộ nòng cốt được tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về phân tích dữ liệu, an toàn thông tin, công nghệ mới.

- Hỗ trợ ít nhất 10 doanh nghiệp, HTX ứng dụng thành công các giải pháp chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất, kinh doanh.

d) Về thúc đẩy Kinh tế số và Xã hội số:

- 100% sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên được đưa lên các sàn thương mại điện tử lớn, có mã truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai ít nhất 03 mô hình ứng dụng công nghệ số (IoT, AI, Drone) hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp và quản lý, giám sát tài nguyên.

- Nâng tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử lên trên 50%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

3.1. Về chính quyền số

3.1.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Đây là nhiệm vụ xuyên suốt, có ý nghĩa tiên quyết, nhằm tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành.

a) *Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và Cải cách hành chính (BCĐ KHCN ĐMST, ĐA 06, CDS và CCHC) và Tổ giúp việc BCD:*

- Nội dung: Rà soát, kiện toàn thành viên BCĐ KHCN ĐMST, ĐA 06, CDS và CCHC; Tổ giúp việc; bổ sung điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn, trong đó phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên; quy định rõ chế độ họp, báo cáo.

- Dự kiến kết quả: Kiện toàn và họp BCD phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và cải cách hành chính Sở.

- Thời gian: Quý I/2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số.

+ Phối hợp: Phòng Tổ chức cán bộ, Văn phòng Sở, các phòng, chi cục và đơn vị.

b) *Tích hợp nhiệm vụ chuyển đổi số vào công tác chỉ đạo, điều hành thường xuyên:*

- Nội dung: Đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào Nghị quyết, Chương trình công tác năm 2026 của Đảng ủy, Lãnh đạo Sở và của tất cả các đơn vị. Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với bộ tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng cuối năm cho tập thể và cá nhân người đứng đầu.

- Dự kiến kết quả: 100% chương trình công tác năm 2026 của các đơn vị có nội dung về chuyển đổi số.

- Thời gian: Năm 2026 và thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng Tổ chức cán bộ.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ:

- Nội dung: Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các đơn vị. Tổ chức các cuộc họp định kỳ của BCD (hàng quý) để đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh và Sở KH&CN.

- Dự kiến kết quả: Tổ chức ít nhất 04 cuộc họp BCD; Ban hành 03 báo cáo quý và 01 báo cáo tổng kết năm.

- Thời gian: Định kỳ hàng quý và cả năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng KH&CN & CDS (làm đầu mối tổng hợp).

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.1.2. Hoàn thiện hạ tầng số:

- Nội dung: Tổ chức rà soát tổng thể hiện trạng máy tính, thiết bị ngoại vi tại tất cả các đơn vị thuộc Sở. Lập kế hoạch đầu tư, mua sắm, thay thế các thiết bị đã cũ, hỏng, không đáp ứng yêu cầu.

- Dự kiến kết quả: Phấn đấu thay thế, nâng cấp ít nhất 30% số lượng máy tính đã quá niên hạn sử dụng; trang bị mới cho các vị trí còn thiếu.

- Thời gian: Năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (tổng hợp nhu cầu), các đơn vị (chủ động đề xuất).

+ Phối hợp: Văn phòng Sở, Trung tâm CNTT TT NN&MT.

3.1.3. An toàn thông tin, an ninh mạng (đưa mục này từ xã hội số lên)

- Nội dung: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin đạt chuẩn cấp độ an toàn thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP tại trụ sở của Sở và các đơn vị thuộc Sở.

- Dự kiến kết quả: Ít nhất 90% hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp tại trụ sở của Sở và các đơn vị thuộc Sở đạt yêu cầu cấp độ an toàn thông tin mạng.

- Thời gian: Năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (tổng hợp nhu cầu), các đơn vị (chủ động đề xuất).

+ Phối hợp: Văn phòng Sở, Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông NN&MT.

3.1.3. Xây dựng và số hóa các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.

- Nội dung tập trung xây dựng và số hóa các hệ thống CSDL: Hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) cho các sản phẩm nông sản, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Hệ thống giám sát, quản lý tàu cá và nghề cá, đảm bảo tuân thủ quy định chống khai thác bất hợp pháp, không theo quy định (IUU); Xây dựng cơ sở dữ liệu

rừng và đất lâm nghiệp để phục vụ định giá rừng, phát triển tín chỉ carbon rừng¹... và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về thực hiện chiến lược dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Môi trường đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị².

- Kết quả dự kiến: Từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu của ngành, sẵn sàng cho việc tham gia vào thị trường dữ liệu quốc gia.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Tất cả các phòng, chi cục và đơn vị trực thuộc xây dựng theo lĩnh vực chuyên môn; Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông Nông nghiệp và Môi trường đơn đốc, tổng hợp.

+ Phối hợp: Các đơn vị liên quan.

3.1.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý:

- Nội dung: Tiếp tục khai thác triệt để và hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo...). Đẩy mạnh việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, hướng tới mục tiêu "làm việc không giấy tờ". Thí điểm và tiến tới nhân rộng mô hình "Phòng họp không giấy" tại Sở và các đơn vị có đủ điều kiện.

- Dự kiến kết quả: Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt trên 95%; Tổ chức thành công ít nhất 50% các cuộc họp, hội thảo của Lãnh đạo Sở trên môi trường số.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Sở.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.1.5. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Nội dung: Rà soát, tái cấu trúc toàn bộ quy trình các TTHC, đặc biệt là các TTHC lĩnh vực đất đai, để đơn giản hóa, cắt giảm các bước không cần thiết trước khi xây dựng quy trình điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC trên môi trường mạng để nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến.

- Dự kiến kết quả: Tỷ lệ hồ sơ TTHC nộp trực tuyến đạt 100%. Tỷ lệ số hoá hồ sơ đầu vào đạt 100%. Tỷ lệ số hoá kết quả đạt 100%.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện: Các đơn vị có TTHT thực hiện; Phòng KH-CN và CDS tổng hợp.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.2. Về Kinh tế số

¹ Nhiệm vụ 3.3, Chính quyền số UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 687/KH-UBND, ngày 26/2/2026.

² Danh mục nhiệm vụ trọng tâm và phân công thực hiện tại Kế hoạch số 338/KH-SNNMT, ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.2.1. Xây dựng và triển khai Đề án/Nhiệm vụ "Hỗ trợ Chuyển đổi số và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, Nông nghiệp tuần hoàn"³.

- Nội dung: Xây dựng Đề án/Nhiệm vụ trọng điểm của ngành, trong đó cụ thể hóa các mục tiêu, lộ trình và giải pháp để phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp số; Tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu cho các HTX, doanh nghiệp và hộ nông dân trong việc: (1) Số hóa dữ liệu thông tin sản xuất; (2) Xây dựng và cấp mã số vùng trồng; (3) Ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc; và (4) Đưa sản phẩm OCOP, nông sản lên các sàn thương mại điện tử.

- Dự kiến kết quả: Ban hành được Đề án/Nhiệm vụ trọng điểm của ngành. Trình và được ban hành ít nhất 01 cơ chế hoặc chính sách hỗ trợ cụ thể cho các nội dung nêu trên.

- Thời gian: Xây dựng trong Quý II/2026; Trình phê duyệt và ban hành trong Quý III/2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng Công nghệ và Chuyển đổi số tham mưu xây dựng Đề án/Nhiệm vụ; Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Phòng Khoa học tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.2.2. Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số

- Nội dung: Triển khai các chương trình hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và quản lý. Lựa chọn các lĩnh vực có thế mạnh (lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi) để xây dựng các mô hình điểm về chuyển đổi số. Phối hợp với Sở KH&CN để hướng dẫn, áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trong ngành.

- Dự kiến kết quả: Hỗ trợ ít nhất 8-10 doanh nghiệp, HTX ứng dụng thành công các giải pháp chuyển đổi số; Xây dựng và nhân rộng được ít nhất 03 mô hình điểm về kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng, Trung tâm Khuyến nông.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.2.2. Phát triển thương mại điện tử

- Nội dung: Nâng cao tỷ lệ hộ sản xuất và chủ thể OCOP tham gia các sàn thương mại điện tử; Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cho nông dân, HTX về kỹ năng tạo tài khoản, chụp ảnh sản phẩm, đăng bán và vận hành gian hàng trên các nền tảng số...; Phối hợp với các sàn thương mại điện tử lớn (Postmart, Voso...) và các doanh nghiệp logistics để triển khai các chương trình ưu đãi, hỗ trợ cho nông sản của tỉnh.

³ Nhiệm vụ 3.1 – Kinh tế số, UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 687/KH-UBND, ngày 26/2/2026.

- Dự kiến kết quả: Phân đầu 50% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản; 100% sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên có mặt trên ít nhất 01 sàn thương mại điện tử và có tem truy xuất nguồn gốc. Tổ chức được ít nhất 10 lớp tập huấn về thương mại điện tử cho các nông sản chủ lực.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng, Trung tâm Khuyến nông.

- + Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.2.3. Số hóa dữ liệu thông tin các hộ sản xuất nông nghiệp

- Nội dung: Đẩy mạnh công tác cấp và quản lý mã số vùng trồng trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu này vào CSDL chung của ngành. Triển khai các giải pháp công nghệ để hỗ trợ việc truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm đã được cấp mã số vùng trồng.

- Dự kiến kết quả: Cấp mới và quản lý từ 5-10 mã số vùng trồng trong năm 2026.

- Thời gian: Triển khai cao điểm trong Quý II và Quý III năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- + Phối hợp: Các địa phương, các đơn vị liên quan.

3.3. Về Xã hội số

3.3.1. Tiếp tục triển khai chương trình "Bình dân học vụ số"

- Nội dung: Tiếp tục triển khai sâu rộng "Bình dân học vụ số" trong toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường, nhằm phổ cập kiến thức và kỹ năng số cơ bản, thiết yếu cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành và đặc biệt là cho người dân, nông dân, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường; thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng các kiến thức mới về nông nghiệp thông minh, kỹ năng khai thác các nền tảng dữ liệu số chuyên ngành.

- Dự kiến kết quả: Đảm bảo các đối tượng của ngành được trang bị đầy đủ kỹ năng số cần thiết để ứng dụng hiệu quả vào công việc, sản xuất và kinh doanh.

- Thời gian: Năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Phòng KHCN&CĐS.

- + Phối hợp: Văn phòng Sở, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm CNTT-TT NN&MT và các đơn vị liên quan.

3.3.2. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt

- Nội dung: Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, đặc biệt là các hộ sản xuất nông nghiệp, mở và sử dụng tài khoản thanh toán điện tử. Mở rộng việc áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch của ngành như chi trả dịch vụ môi trường rừng, thanh toán tiền nước, phí, lệ phí TTHC... Đặc biệt chú trọng công tác thông tin, nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen cho các chủ thể

là Hợp tác xã (HTX), Doanh nghiệp (DN) nông nghiệp về lợi ích, tính an toàn và minh bạch của thanh toán không dùng tiền mặt; hướng dẫn các đơn vị tích hợp các cổng thanh toán trực tuyến, sử dụng QR Code động trong giao dịch mua bán vật tư và tiêu thụ nông sản.

- Dự kiến kết quả: Nâng tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử; trên 80% các HTX, DN nông nghiệp thực hiện các giao dịch thương mại lớn và chi trả lương, thù lao qua tài khoản ngân hàng hoặc ví điện tử.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện: Phòng KHCN&CĐS tổng hợp. Các đơn vị có giao dịch phát sinh phí, lệ phí, các Chi cục (Kiểm Lâm, Kinh tế hợp tác và QLCL, Thủy sản, Thủy lợi...) hướng dẫn, tuyên truyền theo nhiệm vụ đơn vị phụ trách.

- + Phối hợp: Các địa phương, đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

3.3.3. An toàn thông tin an ninh mạng

- Nội dung: Tiếp tục rà soát, đầu tư, nâng cấp các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ các hệ thống thông tin: trang bị, cập nhật phần mềm diệt virus bản quyền cho 100% máy tính; cấu hình các hệ thống tường lửa (firewall), hệ thống phòng chống xâm nhập (IPS/IDS); triển khai các giải pháp sao lưu (backup) dữ liệu định kỳ cho các CSDL quan trọng.

- Dự kiến kết quả: 100% máy chủ CSDL quan trọng có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động, định kỳ; Báo cáo rà soát, nâng cấp cấu hình an toàn cho các hệ thống thông tin.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông NN&MT.

- + Phối hợp: Tất cả các đơn vị trực thuộc.

3.4. Tăng cường các giải pháp về nguồn lực và nhân lực chất lượng cao

3.4.1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, hình thành đội ngũ chuyên

gia:

- Nội dung: Xây dựng kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ nòng cốt, cán bộ được phân công phụ trách CĐS, tập trung vào các kỹ năng mới và cần thiết cho ngành như: Phân tích dữ liệu, Quản trị, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu (đặc biệt là CSDL không gian địa lý GIS). Quản lý, vận hành các ứng dụng trên nền tảng IoT (hệ thống SCADA, camera thông minh, bẫy thông minh...).

- Dự kiến kết quả: Tổ chức được ít nhất 03 lớp đào tạo chuyên sâu; cử ít nhất 20-30 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu do tỉnh hoặc các đơn vị bên ngoài tổ chức.

- Thời gian: Quý II - IV/2026.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng KHCN&CĐS.

- + Phối hợp: Trung tâm CNTT-TT NN&MT, các đơn vị có nhu cầu đào tạo.

3.4.2. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Nội dung: Chủ động thiết lập và duy trì mạng lưới kết nối các chuyên gia, trí thức, nhà khoa học là con em quê hương đang công tác trong và ngoài nước để huy động trí tuệ, tham vấn giải pháp phục vụ sự phát triển của ngành. Đẩy mạnh các chương trình liên kết, hợp tác đào tạo và thực hành với các Trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu chuyên ngành nhằm chuẩn bị đội ngũ kế cận có trình độ cao về công nghệ và dữ liệu. Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn chuyên gia tư vấn kỹ thuật, các chương trình tình nguyện viên quốc tế và nhân lực chất lượng cao thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh và môi trường.

- Dự kiến kết quả: Bước đầu hình thành được mạng lưới chuyên gia tư vấn sẵn sàng hỗ trợ ngành.

- Thời gian: Năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng KH-CN&CĐS.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.5. Truyền thông về chuyển đổi số

3.5.1. Triển khai truyền thông đa phương tiện:

- Nội dung: Đa dạng hóa các hình thức truyền thông: phối hợp với các cơ quan báo chí để xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tin bài; sản xuất các sản phẩm truyền thông số (infographic, video clip ngắn) để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở, các nền tảng mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube).

- Dự kiến kết quả: Thực hiện ít nhất 05 phóng sự/chuyên mục trên báo, đài; sản xuất ít nhất 05 sản phẩm truyền thông số; bình quân mỗi quý có ít nhất 5 bài viết và sưu tầm, đăng tải liên quan về KH-CN, ĐMST, CĐS.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông NN&MT, Trung tâm Khuyến nông.

+ Phối hợp: Văn phòng Sở, các cơ quan báo chí của tỉnh, các đơn vị liên quan.

3.5.2. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số:

- Nội dung: Xây dựng và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10/2026) và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên đề; giới thiệu, phổ biến các mô hình, sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số tiêu biểu của ngành. Phát động các chiến dịch truyền thông trên không gian mạng.

- Dự kiến kết quả: Ban hành 01 Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng; Tổ chức thành công ít nhất 01 hội thảo/tọa đàm/Hội nghị chuyên đề cấp ngành.

- Thời gian: Xây dựng kế hoạch trong Quý III/2026; tổ chức cao điểm trong tháng 10/2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Phòng KHCN & CDS.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

3.5.3. Tuyên truyền, tập huấn về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân:

- Nội dung: Lồng ghép các nội dung tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân vào các chương trình tập huấn, các buổi sinh hoạt của đơn vị. Phối hợp với Công an tỉnh để tổ chức tập huấn, hướng dẫn các kỹ năng cơ bản để tự bảo vệ trên không gian mạng cho cán bộ, công chức.

- Dự kiến kết quả: 100% các chương trình tập huấn về CNTT có lồng ghép nội dung về ATTT.

- Thời gian: Thường xuyên trong năm 2026.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông NN&MT.

+ Phối hợp: Các phòng, Chi cục, đơn vị.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

4.1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

4.2. Khuyến khích tăng cường xã hội hóa, thúc đẩy hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng hạ tầng, nền tảng và ứng dụng số

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Ban Chỉ đạo Phát triển KHCN, ĐMST, CDS, Đề án 06 và CCHC

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai Kế hoạch này trong toàn ngành; định hướng, điều phối chung các hoạt động chuyên đổi số.

Các thành viên BCD chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch theo các lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.

Định kỳ hàng quý tổ chức họp để nghe báo cáo tiến độ, đánh giá kết quả, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và quyết định các phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo.

5.2. Phân công nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị

- Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số: Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai Kế hoạch này trong toàn ngành; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Chỉ đạo và các cơ quan cấp trên.

- Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông Nông nghiệp và Môi trường: Giữ vai trò nòng cốt về kỹ thuật, công nghệ; tham mưu các giải pháp tổng thể về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và an toàn thông tin; phối hợp hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Các phòng chuyên môn, chi cục, đơn vị trực thuộc:

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch.

Căn cứ Kế hoạch này, chủ động lồng ghép các nhiệm vụ vào chương trình công tác năm 2026 của đơn vị, phân công nguồn lực và tổ chức thực hiện hiệu quả.

5.3. Chế độ báo cáo

Các phòng, chi cục, đơn vị trực thuộc định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch (*Báo cáo tháng trước ngày 10 hàng tháng; Báo cáo quý trước ngày 10 tháng cuối của quý; báo cáo năm trước ngày 10/12*) gửi về Sở (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số) để tổng hợp. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở để được hướng dẫn hoặc xem xét, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh (B/c);
- Sở KH và CN;
- GD Sở (B/c);
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHCNCĐ&S.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đình Hiệp

Phụ lục 01

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026 (Kèm theo Kế hoạch số: /SNNMT-KHCNCĐ&S, ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ			
1	Triển khai hiệu quả Phong trào "Bình dân học vụ số" trong toàn ngành.	P. KHCN&CĐ&S	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch truyền thông, phát động thi đua.	TT. Khuyến nông; TT CNTT-TT	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
3	Rà soát, tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Ngành.	P. Kế hoạch - Tổng hợp	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
4	Tham mưu đảm bảo và huy động hiệu quả các nguồn lực cho CĐ&S.	P. Kế hoạch - Tổng hợp	Hàng năm	Kế thừa từ 2025
II	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ			
5	Phối hợp xây dựng và triển khai Quy hoạch phát triển hạ tầng số của Ngành.	TT. CNTT-TT	2026	Kế thừa từ 2025
6	Nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của Sở và các đơn vị trực thuộc.	TT. CNTT-TT	2025-2026	Kế thừa từ 2025
7	Dự án: Mở rộng hệ thống SCADA/IoT giám sát các trạm cấp nước trọng điểm.	TT. Nước sạch	2026-2027	Nhiệm vụ mới
8	Dự án: Thí điểm hệ thống camera thông minh giám sát cháy rừng.	Chi cục Kiểm lâm	2026	Nhiệm vụ mới
9	Dự án: Thí điểm "Hệ thống giám sát sâu, rầy thông minh".	Chi cục TT&BVTV	2026	Nhiệm vụ mới
III	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ			
10	Xây dựng và hoàn thiện các CSDL chuyên ngành nền tảng.	Các Chi cục, đơn vị	2025-2027	Kế thừa từ 2025

11	Dự án: Nâng cấp, tích hợp CSDL dùng chung về Thủy lợi và PCTT.	Chi cục Thủy lợi	2026-2027	Nhiệm vụ mới
12	Dự án: Xây dựng phần mềm quản lý lĩnh vực kinh tế hợp tác và trang trại.	Chi cục KTHT & QLCL	2026	Nhiệm vụ mới
13	Dự án: Chuyển đổi số Chương trình OCOP.	Chi cục KTHT & QLCL	2026	Nhiệm vụ mới
14	Phối hợp xây dựng, triển khai Bản đồ số kinh tế - xã hội tỉnh.	P. Quản lý đất đai, TT. CNTT-TT	2025-2026	Kế thừa từ 2025
IV	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ			
15	Xây dựng Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực KHCN, CĐS giai đoạn 2026-2030.	P. Tổ chức cán bộ	Quý I/2026	Kế thừa từ 2025
16	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số (cơ bản và chuyên sâu).	P. Tổ chức cán bộ	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
17	Tăng cường hợp tác trong đào tạo và phát triển nhân lực.	P. KHCN&CĐS	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
V	ĐẨY MẠNH CHÍNH PHỦ SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ			
18	Xây dựng và triển khai phát triển chính quyền số trong toàn Ngành.	Văn phòng Sở	Quý I/2026	Kế thừa từ 2025
19	Đẩy mạnh ứng dụng KHCN và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định.	P. KHCN&CĐS	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
20	Rà soát, tham mưu các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX chuyển đổi số.	Chi cục KTHT & QLCL	2026	Kế thừa từ 2025
21	Thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, ứng dụng IoT.	P. KHCN&CĐS	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025
22	Tăng cường kết nối "4 nhà", phát triển nền tảng kết nối số.	P. KHCN&CĐS	Thường xuyên	Kế thừa từ 2025

Phụ lục 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số: /SNNMT-KHCNCĐS, ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên nhiệm vụ/ Dự án	Đơn vị chủ trì	Loại (Mới/ Chuyển tiếp)	Mục tiêu chính	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn (Dự kiến)
1	Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Mới	Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ hóa các CSDL, phần mềm, website chuyên ngành phòng chống thiên tai của 2 tỉnh cũ vào một hệ thống dùng chung duy nhất; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, cảnh báo sớm và cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.	2026 - 2027	5.600	Ngân sách tỉnh, Quỹ PCTT, các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng Hệ thống giám sát rừng thông minh	BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong	Chuyển tiếp từ KH CĐS 2005	Xây dựng CSDL chuyên ngành lâm nghiệp, ứng dụng công nghệ (Drone, AI) để giám sát tài nguyên rừng, cảnh báo cháy, quản lý đa dạng sinh học, phục vụ công tác quản lý hiệu quả và sẵn sàng tích hợp vào nền tảng CSDL chung của ngành và tỉnh.	2026 - 2027	2.000	Ngân sách nhà nước (Chương trình CĐS), các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Chuyển đổi số Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Chi cục KTHT & QLCL	Mới	Xây dựng phần mềm và CSDL tập trung để quản lý toàn diện các sản phẩm, chủ thể OCOP. Tích hợp công nghệ truy xuất nguồn gốc (QR code, Blockchain) và hỗ trợ đưa 100% sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm.	2026	850	Ngân sách nhà nước (Chương trình MTQG xây dựng NTM)
4	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin đạt chuẩn cấp độ an toàn thông tin theo	Trung tâm CNTT-TT NN&MT	Mới	Ít nhất 90% hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp tại trụ sở của Sở và các đơn vị thuộc Sở đạt yêu cầu cấp độ an toàn thông tin mạng	2026	15.000	Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp)

	Nghị định 85/2016/NĐ-CP tại trụ sở Sở và các đơn vị thuộc Sở						
5	Nâng cấp hạ tầng mạng và trang thiết bị cho các đơn vị cơ sở	Trung tâm CNTT-TT NN&MT	Mới	Nâng cấp, thay thế các thiết bị máy tính đã cũ, hỏng; nâng cấp đường truyền Internet tốc độ cao cho các đơn vị tuyến cơ sở, đảm bảo điều kiện hạ tầng tối thiểu để triển khai các ứng dụng số.	2026	1.500	Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp)
6	Xây dựng các mô hình điểm ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Khuyến nông	Mới	Xây dựng 3-5 mô hình điểm ứng dụng công nghệ số (IoT, AI, Drone) trong các lĩnh vực sản xuất chủ lực (trồng trọt, chăn nuôi). Các mô hình này sẽ là nơi trình diễn, đào tạo, nhân rộng, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp.	2026	1.000	Ngân sách nhà nước (Chương trình MTQG, Khuyến nông)
7	Chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu và tham quan học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số	Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng KHCN&CĐS	Mới	Tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về phân tích dữ liệu, AI, IoT và các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương, đơn vị đã triển khai chuyển đổi số thành công, nhằm nâng cao năng lực thực chiến cho đội ngũ cán bộ nòng cốt của ngành.	2026	500	Ngân sách tỉnh (vốn đào tạo, CĐS)